Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☑

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Động vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trịnh Quang Pháp

2. Ngày tháng năm sinh: 11/01/1977; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
   Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 105, ngách 291/42 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Nhà A11, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

   Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0904798795; E-mail: tqphap@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

   Từ 07/1999 đến 04/2011: Cán bộ hợp đồng Phòng Tuyến trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

   Từ 05/2011 đến 09/2016: Nghiên cứu viên, Phòng Tuyến trùng học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

   Từ 05/2017 đến nay : Nghiên cứu viên chính, Phòng Tuyến trùng học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

   Từ 06/2012 đến 09/2014: Phó trưởng Phòng Tuyến trùng học (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

Từ 10/2014 đến nay : Trưởng Phòng Tuyến trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam).

Chức vụ hiện nay: TP Tuyến trùng học; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (VAST)

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37561171

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
- Học viện Khoa học và Công nghệ

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 09 năm 1998; số văn bằng: 81481; ngành: Nông học, chuyên ngành: Bảo vệ thực vật; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp I
- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 09 năm 2003; số văn bằng: 20027643/B1055354; ngành: Khoa học; chuyên ngành: Thạc sỹ Tuyến trùng học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Tổng hợp Ghent, Vương quốc Bỉ.
- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 11 năm 2010; số văn bằng: 20027643/D0000064; ngành: Kỹ thuật Khoa học Sinh học; chuyên ngành: Tiến sỹ Sinh học ứng dụng; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Tổng hợp Ghent, Vương quốc Bỉ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đa dạng và phân loại học tuyến trùng (Đánh giá đa dạng quần thể/quần xã tuyến trùng trong hệ sinh thái khác nhau; kết hợp hình thái cổ điển với di truyền phân tử trong đa dạng và phân loại các nhóm tuyến trùng quan trọng ở Việt Nam).
- Sinh học, sinh thái của tuyến trùng (Đánh giá sinh sản phát triển và phát sinh/tồn tại của nguy cơ dịch hại tuyến trùng ký sinh thực vật đối với một số cây trồng quan trọng ở Việt Nam)
- Phòng trừ sinh học tuyến trùng (Nghiên cứu và phát triển nguồn vật liệu có nguồn gốc sinh học trong phòng trừ tuyến trùng ký sinh thực vật trong nông nghiệp, cũng như sử dụng tuyến trùng ký sinh côn trùng trong phòng trừ sâu hại cây trồng)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính **01 NCS** và hướng dẫn phụ **01 NCS** bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn chính **01 HVCH** và hướng dẫn phụ **01 HVCH** bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Đã chủ nhiệm và nghiệm thu **05** đề trong đó: **02** đề tài cấp quốc gia (Nafosted), **01** đề tài cấp Bộ (VAST), **02** nhiệm vụ cấp cơ sở; và đang chủ nhiệm thực hiện **01** đề tài cấp Bộ (VAST), **01** đề tài cấp tỉnh.
- Đã công bố **95** bài báo KH, trong đó **49** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản **05** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- Bằng khen của Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2005): Số 79/QĐ-KHCNVN ngày 28/01/2005.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở Viện Sinh thái và TNSV: 2019 - 2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ, ứng viên tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức, những kết quả trong nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn, phẩm chất và nhiệm vụ của giảng viên theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm (2014 – nay).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015						ThS: 72 × 2 = 144t Viện STTNSV	144/144/135
2	2015-2016	1 (33t)	1 (17t)					0/50/135
3	2016-2017	1 (33t)	1 (17t)	1 (23,3t)				0/73,3/135
4	2017-2018	1 (33t)	1 (17t)					0/50/135
5	2018-2019			1 (46t)				46/46/135
6	2019-2020		1 (17t)				NCS: 45 × 2 = 90t Học viện KHCN	90/107/135
7	2020-2021		1 (17t)					0/17/135
3 năm cuối								
8	2021-2022		1 (17)				ThS: 67,5 × 2 = 135t Học viện KHCN	135/152/135
9	2022-2023		1 (17)				(NCS: 60 × 2 = 120t) Học viện KHCN	120/137/135
10	2023-2024						ThS: 67,5 × 2 = 135t Học viện KHCN	135/135/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Bảo vệ luận văn ThS ☑ tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2003
- Bảo vệ luận án TS ☑ tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hữu Tiền		x			2016-2017	Viện STTNSV ĐH Thái Nguyên	27/03/2017 Số hiệu bằng: 7462
2	Nguyễn Thị Duyên	x			x	2015-2019	Học viện KHCN	19/09/2019 Số hiệu bằng: GUST/TS 247
3	Lê Thị Mai Linh	x		x		2015-2019	Học viện KHCN	28/06/2019 Số hiệu bằng: GUST/TS 249
4	Nguyễn Thị Thảo		x	x		08/04/2019-12/12/2019	Đại học Khoa học tự nhiên	22/05/2020 Số hiệu bằng: QM 036363
5	Nguyễn Hữu Tiền	x			x	2019-2023	Trường Đại học Tổng hợp Ghent (Bỉ)	22/03/2023 Số hiệu bằng: 0168112/D01 75973

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Plant parasitic nematodes in subtropical and tropical agriculture	TK	CABI ISBN: 9781786391247	15		Đồng tác giả (536-583)	
2	Bệnh hại cây trồng Việt Nam	TK	NXB Học viện Nông nghiệp ISBN: 9786049243349	82		Đồng tác giả	
3	Đa dạng sinh học vùng ven biển duyên hải Bắc bộ, Việt Nam	CK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ ISBN: 9786049136467	11		Đồng tác giả	QĐ số 531/QĐ-HVKHCN ngày 26/6/2019
4	Atlas các hệ sinh thái núi Tây Nguyên	TK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ ISBN: 9786049985492	15		Đồng tác giả	QĐ số 657/QĐ-HVKHCN ngày 31/5/2024
5	Nhóm Tuyến trùng quan trọng trong nông nghiệp ở Việt Nam	CK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ ISBN: 9786043570595	4	x	Chủ biên	QĐ số 35/QĐ-HVKHCN ngày 26/01/2024

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn).

- Trong đó: số lượng **02** sách chuyên khảo và **03** sách tham khảo (số thứ tự: 2, 3, 4) do nhà xuất bản có uy tín xuất bản trong đó có **01** chương sách (số thứ tự: 1) do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau khi được nhận bằng TS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				

II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đánh giá khả năng gây hại của hai loài *Pratylenchus coffeae* và *Radopholus* arabocoffeae trên một số cây trồng trong điều kiện nhà lưới	CN	Viện Sinh thái và TNSV (Cấp cơ sở)	2012	01/02/2013 Xuất sắc
2	Ứng dụng sinh học phân tử trong phân loại các loài *Meloidogyne* ở Việt Nam	CN	Viện Sinh thái và TNSV (Cấp cơ sở)	2012-2013	31/12/2013 Xuất sắc
3	Tuyến trùng ký sinh gây sần rễ và vai trò của chúng với một số cây trồng chính ở Tây Nguyên	CN	NAFOSTED (Mã số: 106.NN.03-2013.56)	2014-2016	03/04/2017 Chứng nhận số 2019-48-489/KQNC/Đạt
4	Tác động của canh tác nông nghiệp và biến đổi môi trường đến quần xã tuyến trùng thực vật trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng tại Lâm Đồng.	CN	Viện Hàn lâm KH&CNVN (Mã số: VAST 0404.21-22)	2021-2022	01/06/2023 Đạt
5	Phòng trừ sinh học tuyến trùng ký sinh thực vật trên một số cây dược liệu ở miền bắc Việt Nam	CN	NAFOSTED - FWO (Mã số: FWO. 106.2020.02)	2021-2023	24/03/2024 Chứng nhận số 2023-48-1061/NS-KQNC Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính (*)	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận TS**							
1	*Radopholus duriophilus* sp. n. (Nematoda: Pratylenchidae) from Western Highland, Vietnam	5		*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/156854103322683265	SCIE-Q2 IF: 1.442	28	5, 549-558	2003
2	*Radopholus arabocoffeae* sp. n. (Nematoda: Pratylenchidae), a nematode species pathogenic on *Coffea arabica* in Vietnam and additional data on *R. duriophilus*	6	TGĐ	*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/156854104284357 7	SCIE-Q2 IF: 1.442	43	6, 681-693	2004

3	Tuyến trùng ký sinh vải (*Litchi chinensis* Sonn.) ở Bắc Giang và Hải Dương	4	TGĐ	Bệnh hại cây có nguồn gốc từ đất. Hội thảo quốc gia Bệnh cây và Sinh học phân tử			101-106	2004
4	Vai trò của loài tuyến trùng ký sinh *Bursaphelenchus dalatensis* liên quan đến bệnh chết héo thông ở Tây Nguyên.	4	TGĐ TGLH	Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống ISBN:893504895979			841-844	2005
5	Tuyến trùng ký sinh trên chuối hoang dại tại một số rừng phía Bắc Việt Nam	3		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống ISBN:893504895979			76-79	2005
6	Đặc trưng mã vùng ITS-rDNA của 2 loài tuyến trùng ký sinh thực vật mới giống *Radopholus* ở Việt Nam	3		Tạp chí Sinh học ISSN 0866-7160			27/2, 27-31	2005
7	Ba loài tuyến trùng mới ký sinh gây hại cây trồng ở Tây Nguyên	2		Báo cáo khoa học về Sinh thái và TNSV, HTQG lần thứ nhất			27-32	2005
8	Áp dụng kỹ thuật phân tử DNA cho phân loại tuyến trùng ở Việt Nam	4		Báo cáo khoa học về Sinh thái và TNSV, HTQG gia lần thứ nhất			33-42	2005
9	Xác định ngưỡng chống chịu của cà phê chè đối với hai loài tuyến trùng *Radopholus duriophilus* và *R. arabocoffeae*.	2	TGĐ	Báo cáo khoa học về Sinh thái và TNSV, Hội thảo quốc gia lần thứ nhất			810-813	2005
10	Ảnh hưởng của tuyến trùng *Hirschmanniella* spp. đến sự phát triển và năng suất một số giống lúa trong điều kiện thí nghiệm	2	TGĐ	Tạp chí Sinh học ISSN 0866-7160			27/3A, 78-82	2005
11	Bước đầu xác định ngưỡng chống chịu của cà phê chè đối với tuyến trùng *Pratylenchus coffeae* trong điều kiện nhà kính	2	TGĐ	Tạp chí Sinh học, ISSN 0866-7160			27(4), 52-56	2005
12	Hiệu lực của thuốc thảo mộc "SÔNG LAM ND50" đối với một số nhóm tuyến trùng ký sinh thực vật	2	TGĐ	Tạp chí Sinh học ISSN 0866-7160			27(3A), 83-86	2005
13	*Bursaphelenchus chengi* sp. n. (Nematoda: Parasitaphelenchidae) isolated at Nanjing, China, in packaging wood from Taiwan	4		*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/156854108783900294	SCIE-Q2 IF: 1.442	85	10, 335-346	2008
14	Một số thành tựu bước đầu áp dụng kỹ thuật phân tử cho nghiên cứu phân loại một số nhóm động vật quan trọng ở Việt Nam	4		Tạp chí Sinh học ISSN 0866-7160			31/3, 1-9	2009
15	Characterisation of *Bursaphelenchus* spp. isolated from packaging wood imported at Nanjing, China.	4		*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/156854109X446971	SCIE-Q2 IF: 1.442	23	11, 375-408	2009

16	Plant-parasitic nematodes associated with coffee in Vietnam	5	TGĐ	*Russian Journal of Nematology* ISSN: 0869-6918	SCI-Q3 IF: 0.556	46	17, 73-82	2009
17	*Apratylenchus vietnamensis* gen. n., sp. n. and *A. binhi* gen. n., sp. n., sedentary Pratylenchidae (Nematoda: Tylenchida) from coffee in Vietnam, with proposal of Apratylenchinae subfam. n.	6	TGĐ	*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/138855409X12465362560593	SCI-Q2 IF: 1.442	14	11, 565-581	2009
II	**Sau khi được công nhận TS**							
18	Decline of *Pratylenchus coffeae* and *Radopholus arabocoffeae* populations after death and removal of 5-year old arabica coffee (*Coffea arabica* cv. Catimor) trees	4	TGĐ	*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/138855410X528505	SCIE-Q2 IF: 1.442	14	13, 491-500	2011
19	Pathogenicity and reproductive fitness of *Pratylenchus coffeae* and *Radopholus arabocoffeae* on Arabica coffee seedlings (*Coffea arabica* cv. Catimor) in Vietnam	5	TGĐ	*European Journal of Plant Pathology* ISSN 0929-1873 DOI:10.1007/s10658-010-9730-x	SCIE-Q1 IF: 2.179	12	130, 45-57	2011
20	Đa dạng hình thái và phân tử của loài tuyến trùng *Pratylenchus coffeae* ký sinh trên cây cà phê Việt Nam	3	TGĐ	Báo cáo về ST&TNSV, HN KHTQ lần thứ 4 ISSN:1859-4425			801-806	2011
21	Vai trò của tuyến trùng đối với bệnh héo chết thông ở Lạng Sơn			Báo cáo về ST&TNSV, HN KHTQ lần thứ 4 ISSN:1859-4425			1422-1428	2011
22	Morphological and molecular diversity of the genus *Radopholus* on coffee in Vietnam and description of *Radopholus daklakensis* sp. n. from Robusta coffee	4	TGĐ	*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/138855411X578374	SCIE-Q2 IF: 1.442	12	14, 65-83	2012
23	Resistance screening of *Coffea* spp. accessions for *Pratylenchus coffeae* and *Radopholus arabocoffeae* in Vietnam	5	TGĐ	*Euphytica* ISSN 1573-5060 DOI:10.1007/s10681-011-0558-z	SCIE-Q1 IF: 2.126	4	185, 233-241	2012
24	Two new species of *Steinernema* Travassos, 1927 from the humid forest of southern Cameroon	6		*Russian Journal of Nematology* ISSN 0869-6918	SCIE-Q3 IF: 0.556	17	20, 15-36	2012
25	Thành phần tuyến trùng ký sinh Thực vật trên cà phê, hồ tiêu ở một số vùng trồng tập trung tại Tây Nguyên	12		Tạp chí bảo vệ thực vật ISSN 2354-0710			3, 24-30	2013
26	Emerging *Meloidogyne* species (root-knot nematodes) threats to coffee in the western highlands in Vietnam	3	TGĐ	Proceedings of the second VAST-KAST workshop on biodiversity and bio-active compounds ISBN: 978-604-913-143-1			313-319	2013

27	Tuyến trùng trong đất bazan tái canh cà phê và mối quan hệ của tuyến trùng với triệu chứng vàng lá cà phê tại Gia Lai	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN 1859-4581			23, 36-43	2014
28	Diễn biến mật độ *Pratylenchus* spp. và *Meloidogyne* spp. trong đất và rễ cà phê tại Đắk Lắk và Gia Lai năm 2013	13		TC Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp VN ISSN 2588-1256			6, 37-40	2014
29	Đa dạng hình thái và phân tử của loài *Pratylenchus coffeae* ký sinh trên cây cà phê ở Việt Nam	4	TGĐ	Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 6 ISBN 978-604-913-408-1			801-806	2015
30	Bước đầu khảo sát thành phần tuyến trùng ký sinh thực vật trên một số cây thuốc tại Đông Triều- Quảng Ninh	5		Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 6 ISBN 978-604-913-408-1			928-933	2015
31	Bổ sung dữ liệu về tài nguyên sinh vật đảo bạch long vĩ, Thành phố Hải Phòng	11		Hội nghị khoa học TQ về ST&TNSV lần thứ 6 ISBN 978-604-913-408-1			1032-1037	2015
32	Ảnh hưởng của loài tuyến trùng nội ký sinh rễ *Pratylenchus coffee* đối với một số cây trồng trong điều kiện nhà lưới ở Tây Nguyên	3		Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 6 ISBN 978-604-913-408-1			1317-1322	2015
33	Ảnh hưởng nồng độ Glycerin đến tỷ lệ sống của loài tuyến trùng *Heterorhabditis indica* (Chủng H-NT3) khi bảo quản trong nitơ lỏng	4		Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 6 ISBN 978-604-913-408-1			1643-1347	2015
34	Nghiên cứu khả năng ức chế tuyến trùng *Meloidogyne incognita* trên cà phê của nấm *Paecilomyces javanicus*	5	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học ISSN 1811-4989			13/4, 1025-1029	2015
35	Description of *Hoplolaimus bachlongviensis* sp. n. (Nematoda: Hoplolaimidae) from babana soil in Vietnam	3	TGLH	*Biodiversity Data Journal* ISSN 1314-2828 DOI:10.3897/BDJ.3.e6523	SCIE-Q2 IF: 1.331	10	3, e6523	2015
36	Bước đầu điều tra thành phần loài tuyến trùng ký sinh gây hại trên cà tốt ở Hải Dương	4	TGLH	Tạp chí Sinh học ISSN 0866-7160			38/1, 6-13	2016
37	Đặc điểm phân bố của tuyến trùng ký sinh thực vật trong đất trồng cam Cao Phong, Hòa Bình	4	TGĐ	Tạp chí Khoa học: trái đất và môi trường ISSN:2615-9279			32/1S, 301-308	2016
38	Morphological and Molecular Characteristics of *Pratylenchus haiduongensis* sp. n., a New Species of Root–Lesion Nematodes Associated with Carrot in Vietnam	6		*Journal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2017-073	SCIE-Q2 IF: 1.470	17	49, 276-285	2017
39	Ghi nhận mới loài tuyến trùng ký sinh gây sần rễ *Meloidogyne incognita* trên cây ngô tại tỉnh Đắk Lắk	4	TGLH	Tạp chí sinh học ISSN 0866-7160			39/1, 768-773	2017

40	Đặc điểm hình thái và phân tử loài tuyến trùng *Pratylenchus zeae* Graham, 1951 ký sinh cây cà rốt ở Đông Anh, Hà Nội	4		Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 7 ISBN 978-604-913-615-3.			96-101	2017
41	Khảo sát tuyến trùng ký sinh thực vật trên vùng trồng rau Xuân Hồng (Xuân Trường, Nam Định)	4		HTQG Bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 16 ISBN: 978-604-60-2558-0			292-297	2017
42	Đa dạng di truyền vùng 28s-rDNA một số loài tuyến trùng gây sần rễ (*Melodogyne* spp.) ở Tây Nguyên	4		HTQG Bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 16 ISBN: 978-604-60-2558-0			298-303	2017
43	Đa dạng di truyền vùng gen ty thể COII-16S-rRNA một số loài tuyến trùng sần rễ *Meloidogyne* spp., ký sinh cây cà phê ở tỉnh Đắk Lắk	4		Hội nghị KHTQ về ST&TNSV lần thứ 7 ISBN 978-604-913-615-3.			768-773	2017
44	Ảnh hưởng vi khuẩn *Lysobacter antibiticus* đến tuyến trùng sần rễ *Meloidogyne incognita* trong điều kiện phòng thí nghiệm	4		Tạp chí Bảo vệ thực vật ISSN:2354-0710			2, 18-23	2017
45	Virulence of two entomopathogenic nematode species, *Steinernema* sp. (strain PQ16) and Heterorhabditis indica (strain KT3987), to nymphs of the coffee cicada *Dundubia nagarasingna*	4		*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/15685411-00003193	SCIE-Q2 IF: 1.442	5	21, 35-41	2019
46	*Meloidogyne daklakensis* sp. n. (Nematoda: Meloidogynidae), a new root-knot nematode associated with Robusta coffee (*Coffea canephora* Pierre ex A. Froehner) in the Western Highland, Vietnam	6	TGĐ	*Journal of Helminthology* ISSN 0022-149X DOI:10.1017/S0022149X18000202	SCIE-Q2 IF: 1.586	21	93, 242-252	2019
47	Hiệu lực trong phòng thí nghiệm của tuyến trùng gây bệnh côn trùng đối với mọt đục thân (*Euwallacea fornicatus*) hại keo tai tượng và keo lai	2		Tạp chí Bảo vệ thực vật ISSN:2354-0710			5, 10-15	2019
48	Nghiên cứu hiệu quả của chế phẩm sinh học phòng trừ tuyến trùng *Tylenchulus semipenetrans* trong đất trồng cây có múi ở Cao Phong, Hòa Bình	3		VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences ISSN:2588-1094 DOI: 10.25073/2588-1094/vnuees.4433			35/4, 130-138	2019
49	Đa dạng tuyến trùng sống tự do trong đất (Dorylaimida) tại quần thể danh thắng Trang An, Ninh Bình	6		*Tap chi sinh hoc* ISSN 0866-7160			41/2se 101-108	2019
50	Diversity of plant-parasitic nematodes on medicinal plants in Melinh Station for	5	TGLH	*Academia Journal of Biology* ISSN 2615-9023 DOI:10.15625/26159023/v			41/3, 19-24	2019

	Biodiversity, Vinh Phuc province, Vietnam			41n3.13849				
51	Morphological and molecular characterisation of *Chitwoodius coffeae* sp. n.(Dorylaimida: Tylencholaimidae) from Vietnam with a revised taxonomy of the genus	6		*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/15685411-00003231	SCIE-Q2 IF: 1.442	1	21, 509-521	2019
52	A new root-knot nematode, *Meloidogyne moensi* n. sp. (Nematoda: Meloidogynidae), parasitizing Robusta coffee from the Western Highlands, Vietnam	6	TGLH	*Helminthologia* ISSN 0022-149X DOI:10.2478/helm-2019-0014	SCIE-Q3 IF: 1.184	8	56, 229-246	2019
53	Description of *Geocenamus vietnamensis* sp. n. (Nematoda: Merliniidae) from Vietnam	6	TGLH	*Journal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2019-025	SCIE-Q2 IF: 1.402	10	51, 1-12	2019
54	Morphological diversity of *Meloidogyne* spp. from carrot (*Daucus carota* subsp. Sativus) in Vietnam	5	TGLH	*Uttar Pradesh Journal of zoology 39(2) ISSN: 0256-971X*		1	43-54	2019
55	Molecular and morphological characterisation of a new root-lesion nematode, *Pratylenchus horti* n. sp. (Tylenchomorpha: Pratylenchidae), from Ghent University Botanical Garden	6	TGLH	*Nematology* ISSN 1388-5545 DOI:10.1163/15685411-00003249	SCIE-Q2 IF: 1.442	16	21, 739-752	2019
56	Description of a new species of *Rotylenchus rhomboides n.* sp and a Belgian population of *Rotylenchus buxophilus* (Tylenchomorpha: Hoplolaimidae)	6	TGLH	*Journal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2019-023	SCIE-Q2 IF: 1.402	14	51, 1-20	2019
57	First report of *Mesocriconema sphaerocephalum* (Taylor, 1936) Loof, 1989 associated with carrot (*Daucus carota* subsp. Stativus) in Vietnam	6	TGLH	*Jourrnal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2019-048	SCIE-Q2 IF: 1.402	5	51, 1-4	2019
58	First report of *Scutellonema brachyurus* (Steiner, 1938) Andrassy, 1958 and occurrence of *Meloidogyne incognita* (Kofoid & White, 1919) Chitwood, 1949 in Belgium	6	TGLH	*Jourrnal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI: 10.21307/jofnem-2019-062	SCIE-Q2 IF: 1.402	4	51, 1-6	2019
59	First report of *Longidorus mindanaoensis* (Nematoda: Longidoridae) from a mangrove forest in Vietnam	5	TGLH	*Journal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2019-064	SCIE-Q2 IF: 1.402	1	51, 1-5	2019
60	Occurrence of endophytic bacteria in Vietnamese Robusta coffee roots and their effects on plant parasitic nematodes	9		*Symbiosis* ISSN 0334-5114 DOI:10.1007/s13199-019-00649-9	SCIE-Q1 IF: 2.974	25	80, 75-84	2020
61	First report of *Rotylenchulus reniformis* infecting turmeric in	4		*Journal of Nematology*	SCIE-Q2 IF: 1.402	3	52, 1-5	2020

	Vietnam and consequent damage			ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2020-053				
62	First report of *Hemicriconemoides litchi* associated with *Piper sarmentosum* and revision of the genus *Hemicriconemoides* in Vietnam	4		*Journal of Nematology* ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2020-074	SCIE-Q2 IF: 1.402	3	52, 1-6	2020
63	First report of *Xiphinema hunaniense* Wang & Wu, 1992 (Nematoda: Longidoridae) in Vietnam	4		*Journal of Nematology*, ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2020-078	SCIE-Q2 IF: 1.402	3	52, 1-4	2020
64	First report of *Paratylenchus lepidus* Raski, 1975 associated with green tea (*Camellia sinensis* (L.) Kuntze) in Vietnam	4		*Journal of Nematology*, ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2020-110	SCIE-Q2 IF: 1.402	2	52, 1-4	2020
65	Root knot nematode infections promoted by agricultural practice modifications in Vietnam and the impacts on rice production	6		*Academia Journal of Biology* ISSN 2615-9023 DOI:10.15625/26159023/v42n3.15036		3	41/3, 31-42	2020
66	Hiệu quả phòng trừ của nấm Paecilomyces sp. đối với tuyến trùng *Meloidogyne incognita* và *Pratylenchus penetrans* trong điều kiện phòng thí nghiệm	4		HTQG Bệnh hại thực vật VN lần thứ 19 ISBN: 978-604-60-3239-7			189-199	2020
67	Các nhóm tuyến trùng quan trọng trên một số cây dược liệu ở Việt Nam	4		HTQG Bệnh hại thực vật VN lần thứ 19 ISBN: 978-604-60-3239-7			220-230	2020
68	Identification and characterization of Vietnamese coffee bacterial endophytes displaying in vitro antifungal and nematicidal activities	10		*Microbiological Research* ISSN 0944-5013 DOI:10.1016/j.micres.2020.126613	SCIE-Q1 IF: 5.415	29	242, p.126613	2021
69	Description of *Hemicycliophora cardamomi* sp. n. (Nematoda: Hemicycliophoridae) associated with *Amomum longiligulare* T.L. Wu and a webbased key for the identification of *Hemicycliophora* spp.	5		*Journal of Helminthology* ISSN 0022-149X DOI:10.1017/S0022149X20000966	SCIE-Q2 IF: 1.586	14	95, 1-11	2021
70	Pathogenicity of migratory endoparasitic nematodes on coffee seedlings (*Coffea arabica* cv. K7) in Australia	5		*Australasian Plant Pathology*, ISSN:1448-6032 DOI: 10.1007/s13313-021-00778-0	SCIE-Q2 IF: 1.599	1	50, 341–348.	2021
71	First report and new molecular and morphological characterizations of root-knot nematode, *Meloidogyne javanica*, infecting ginger and long coriander in Vietnam	5		*Journal of Nematology*, ISSN 0022-300X DOI:10.21307/jofnem-2020-110	SCIE-Q2 IF: 1.402	6	53, e2021-11	2021

72	First record of *Xiphinema hunaniense* Wang & Wu, 1992 (Dorylaimida: Longidoridae) associated with tea (*Camellia sinensis* (L.) Kuntze) in Thanh Hoa, Vietnam	4	TGLH	*Academia Journal of Biology* ISSN:2615-9023 DOI:10.15625/2615-9023/15616		1	43/1, 1-7	2021
73	Đánh giá hiệu quả của tuyến trùng ký sinh côn trùng *Heterorhabditis indica* trong phòng chống bọ nhảy hại rau thập tự	10		*Tạp chí Bảo vệ thực vật* ISSN:2354-0710			4, 35-40	2021
74	First report of an important sheath nematode, *Hemicycliophora poranga*, associated with sugar beet (Beta vulgaris L.) in Vietnam	2	TGLH	*Helminthologia* ISSN: 1336-9083 DOI 10.2478/helm-2021-0033	SCIE-Q3 IF: 1.184	6	58/3: 333-338	2021
75	Investigation of the soil nematode community composition in a monoculture Robusta coffee plantation in Dak Lak, Vietnam	10		*Global Ecology and Conservation* ISSN: 2351-9894 DOI:10.1016/j.gecco.2021.e01932	SCIE-Q1 IF: 4.159	4	32, e01932	2021
76	First report of entomopathogenic nematode *Steinernema surkhetense* and its pathogenic potential to larvae of the Greater Wax Moth (*Galleria mellonella* L.) in Vietnam	4	TGĐ	*Egyptian Journal of Biological Pest Control* ISSN: 1110-1768 DOI: 10.1186/s41938-021-00496-1	SCIE-Q1 IF: 2.351	3	31,147	2021
77	Integrative taxonomy of *Mesocriconema onoense* (Tylenchida: Criconematidae) from Vietnam highly suggests the synonymization of *Mesocriconema brevistylus* and related species	4		*Infection Genetics and Evolution* ISSN: 2351-9894 DOI:10.1016/j.meegid.2021.105090	SCIE-Q1 IF: 4.345	10	95, 105090	2021
78	Remarks on phylogeny and molecular variations of criconematid species (Nematoda: Criconematidae) with case studies from Vietnam	5		*Scientific reports* ISSN: 2045-2322 DOI: 10.1038/s41598-022-18004-2	SCIE-Q1 IF: 4.543	11	12(1), 1-16.	2022
79	Morphological and molecular characterisations of *Scutellonema brachyurum* (Steiner, 1938) Andrassy, 1958 from the western highlands, Vietnam	4	TGĐ	*Academia Journal of Biology* ISSN: 2615-9023 DOI: 10.15625/2615-9023/17066		1	44(3), 149-160.	2022
80	Integrative taxonomy of the aggressive pest *Meloidogyne enterolobii* and molecular phylogeny of *Meloidogyne* spp. based on five gene regions	5	TGĐ	*Australasian Plant Pathology* ISSN: 14486032 DOI: 0.1007/s13313-022-00864-x	SCIE-Q2 IF: 1.493	9	51, 345-358	2022
81	Morphological and molecular characterisations of the damaging root-knot nematode, *Meloidogyne arenaria* (Neal,	4		*Australasian Plant Pathology* ISSN: 14486032	SCIE-Q2 IF; 1.493	2	52, 89-105	2023

	1889) Chitwood, 1949, parasitising black pepper and coffee in Vietnam			DOI: 10.1007/s13313-022-00897-2				
82	Characterization of *Hemicaloosia quangzhouensis*, a first report of the genus *Hemicaloosia* (Nematoda: Criconematina), from Vietnam	4		*Biologia* ISSN: 1336-9563 DOI: 10.1007/s11756-023-01417-3	SCIE-Q2 IF: 1.742		78(10)	2023
83	First report of root-knot nematode *Meloidogyne enterolobii* infecting pomelo (*Citrus maxima* (Burm.) Merri) in Vietnam	4	TGLH	*Academia Journal of Biology* ISSN: 2615-9023 DOI: 10.15625/2615-9023/18118		2	45(2): 37–46	2023
84	Identification and characterization of a virulent population of *Meloidogyne graminicola*			*Australasian Plant Pathology* ISSN: 1448-6032 DOI: 10.1007/s13313-023-00926-8	SCIE-Q2 IF; 1.493		52(5), 391-405	2023
85	Diversity of plant-parasitic nematodes associated with medicinal plants in Vietnam, Vietnamese PPN checklist, and a pictorial key for PPN identification	5	TGLH	*Plant pathology* ISSN:1365-3059 DOI:10.1111/ppa.13796	SCIE-Q1 IF: 2.59	5	73 (1), 12-30	2023
86	Morphologic, morphometric, and molecular characterization of Vietnamese populations of *Meloidogyne incognita* (Kofoid & White, 1919) Chitwood, 1949	4	TGĐ	*Plant disease* ISSN: 0191-2917 DOI: 10.1094/PDIS-04-23-0818-SR	SCIE-Q1 IF: 4.438		107, 3693-3700.	
87	Đánh giá khả năng gây hại của các giống tuyến trùng ký sinh thực vật trên một số cây dược liệu ở tỉnh Lào Cai	5	TGLH	*TC Nông nghiệp và PTNT* ISSN: 1859-4581			(5/2023), 34-42	2023
88	First report of *Pratylenchus penetrans* (Nematoda: Pratylenchidae) associated with artichokes in Vietnam	4		*Journal of Nematology* ISSN: 0022-300X DOI: 10.2478/jofnem-2023-0060	SCIE-Q2 IF: 1.402	1	55(1), 20230060	2024
89	An updated species list of the genus *Rotylenchus* (Nematoda: Hoplolaimidae) and a browser-based interactive key for species identification.	4		*Australasian Plant Pathology* ISSN: 1448-6032 DOI: 10.1007/s13313-023-00962-4	SCIE-Q2 IF: 1.493		53, 79–88	2024
90	Method for taking Scanning Electron Microscope photographs of nematodes and meiofauna with the support of a low-cost and easy-made container	3		*Helminthologia* ISSN: 1336-9083 DOI: 10.2478/helm-2023-0041	SCIE-Q3 IF: 1.184		60(4), 393-396.	2024
91	Morphological and molecular characterizations of *Pratylenchus coffeae* infecting Ming aralia and coffee in Vietnam	6	TGLH	*Helminthologia* ISSN: 1336-9083 DOI: 10.2478/helm-2024-0004	SCIE-Q3 IF: 1.184		61(1), 76 - 84	2024
92	Tuyến trùng ký sinh thực vật ghi nhận trên cây Lan hài đài	7	TGLH	*TC Khoa học và Công nghệ*. ISSN: 2525-2518			66(1), 18-23	2024

	cuốn *Paphiopedilum appletonianum* (Gower) Rolfe 1896			DOI:0.31276/VJST.66(1).19-23				
93	Nghiên cứu khả năng ức chế tuyến trùng *Meloidogyne incognita* của nấm *Metarhizium anisopliae* trong điều kiện phòng thí nghiệm	4	TGLH	*Tạp chí Bảo vệ thực vật* ISSN: 0866-7020			1/2024	2024
94	Morphological and molecular characterizations of *Neodolichodorus bachlongviensis* sp. n. (Nematoda: Dolichodoridae), a new plant-parasitic nematode species from Bach Long Vy island in Vietnam	4	TGĐ	*Australasian Plant Pathology* ISSN: 1448-6032 DOI: 10.1007/s13313-024-00963-x	SCIE-Q2 IF: 1.493		53, 141–150	2024
95	First report of the damaging pest *Meloidogyne enterolobii* parasitizing melbery (*Morus alba* L.) in Vietnam	7		*Plant disease* ISSN: 0191-2917 *10.1094/PDIS-12-23-2727-PDN*	SCIE-Q1 IF: 4.438		108, 1-4	2024

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ) sau khi được cấp bằng TS: **20/43,** số thứ tự cụ thể như sau: **7, 8, 9, 10, 12, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 33, 35, 38, 42, 43, 47, 48.**

- (*) Chữ viết tắt: TGĐ (Tác giả đứng đầu), TGLH (Tác giả liên hệ duy nhất)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế.

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chỉnh sửa, bổ sung năm 2022, Ngành Tuyến trùng học, Mã số: Thí điểm	Tham gia	QĐ số: 255/QĐ-HVKHCN ngày 15/03/2022	Học viện KHCN	QĐ phê duyệt Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022 ngành Tuyến trùng học số: 800/QĐ-HVKHCN ngày 16/05/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học 2015-2016, 2016-2017: không đủ giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học 2015-2016: thiếu 85 giờ; năm học 2016-2017: thiếu 61,7 giờ

Ứng viên thiếu giờ giảng dạy của 2 năm học 2015-2016 và 2016-2017 để đáp ứng 6 năm có đủ giờ giảng dạy chuẩn. Kính đề nghị Hội đồng xem xét, áp dụng gấp hai số điểm công trình khoa học quy đổi từ các bài báo khoa học (tổng số điểm CTKH từ bài báo khoa học của UV đạt trên 30 điểm, theo Khoản 3, điều 6 Quyết định 37/2018/QĐ-TTg).

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Quang Pháp